TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2023/DS-PT
Ngày 13-6-2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh;

Bà Nguyễn Thị Cúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 101/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1287/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Kim Á, sinh năm 1956. *(Có mặt)*

Cư trú: số 14 đường E, khu T, khóm M phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Hoàng Y, sinh năm 1997. *(Có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lương Thanh Q – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: P, Lầu I, Tòa nhà S, số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Trung M, sinh năm 1952. *(Có mặt)*

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Số G, hẻm H, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và ông Quách Văn T*:* Bà Phan Thị Bạch M1, sinh năm 1976. *(Có mặt)*

Địa chỉ: khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Minh H - Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Văn phòng L4 - số D L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Kim C, sinh năm 1933. *(đã chết ngày 03/12/2021)*

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Kim C*:*

- Ông Trần Văn X, sinh năm 1953. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Ông Trần Văn G, sinh năm 1957. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Cùng cư trú: khu vực T, Phường T, Quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Bà Trần Kim D, sinh năm 1960. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Cư trú: khu vực T, Phường T, Quận Ô, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền của bà D*:* Bà Lê Hoàng Y, sinh năm 1997. *(Có mặt)*

Địa chỉ: P, Lầu I, Tòa nhà S, số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Văn N, sinh năm 1963.

Cư trú: 25B đường số A, N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông Trần Văn N1, sinh năm 1967. *(Vắng mặt)*

Cư trú: khu vực T, Phường T, Quận Ô, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Phan Trung P, sinh năm 1933. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ cư trú: Thành phố S, quận J, bang Kansas United S of America.

3. Bà Phan Kim L, sinh năm 1946. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Cư trú: số D, khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1958. *(Vắng mặt)*

Cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1*:* Bà Lê Hoàng Y, sinh năm 1997. *(Có mặt)*

Địa chỉ: P, Lầu I, Tòa nhà S, số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Phan Thị N2, sinh năm 1958. *(Vắng mặt)*

Cư trú: số A, ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

6. Bà Phan Thị Thu H1, sinh năm 1958. *(Vắng mặt)*

Cư trú: ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1*:* Bà Lê Hoàng Y, sinh năm 1997. *(Có mặt)*

Địa chỉ: P, Lầu I, Tòa nhà S, số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Phan Thị Trúc M2, sinh năm 1980. *(Vắng mặt)*

Cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trúc M2*:* Bà Phan Thị Bạch M1, sinh năm 1976. *(Có mặt)*

Địa chỉ: khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

8. Ông Phan Ngọc T2 (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Ngọc T2:

- Bà Võ Thị Kim T3, sinh năm 1945. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Bà Phan Thị Thanh N3, sinh năm 1963. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Bà Phan Thị Thanh X1, sinh năm 1968. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Bà Phan Thị Thanh T4, sinh năm 1966. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Cùng cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim T3*:* Bà Lê Hoàng Y, sinh năm 1997. *(Có mặt)*

Địa chỉ: P, Lầu I, Tòa nhà S, số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Phan Tấn P1 (chết năm 1976).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Tấn P1*:*

- Bà Phan Thị L1, sinh năm 1940. (chết ngày 02/4/2022)

- Bà Phan Thị Tố N4, sinh năm 1963. *(bà* N4 *đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông* Phan Tấn P1 *và bà* Phan Thị L1*) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Cùng cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

10. Bà Trần Kim T5, sinh năm 1958. *(Vắng mặt)*

11. Bà Nguyễn Mỹ L2, sinh năm 1956. *(Vắng mặt)*

12. Bà Nguyễn Thị Cẩm V. *(Vắng mặt)*

13. Trần Vĩnh H2, sinh năm 1978. *(Vắng mặt)*

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

14. Bà Ngô Thị N5, sinh năm 1955. (vợ ông M) *(Có mặt)*

15. Ông Quách Văn T, sinh năm 1972. (chồng bà Phan Thị Trúc M2) *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của ông T*:* Bà Phan Thị Bạch M1, sinh năm 1976. *(Có mặt)*

Địa chỉ: khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

16. Em Phan Ngô Thiện T6, sinh năm 2008. *(Vắng mặt)*

17. Em Phan Ngô Vạn T7, sinh năm 2012. *(Vắng mặt)*

18. Em Phan Ngô Cát T8, sinh năm 2017. *(Vắng mặt)*

Người đại diện hợp pháp cho em Thiên T9*,* Vạn T10 *và* Cát T11*:* Ông Quách Văn T, sinh năm 1972 và bà Phan Thị Trúc M2, sinh năm 1980. *(Vắng mặt)*

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Phan Trung M; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N5, bà Phan Thị Trúc M2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Kim Á *cùng người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vào năm 1985, cha mẹ bà Á (ông Phan Văn C1, bà Nguyễn Thị K đều đã chết) có làm tờ tặng cho tài sản cho bà quản lý sử dụng là căn nhà số E, ấp L, xã L, huyện C, diện tích đất thổ cư ngang mặt trước 9,5m, ngang mặt sau 4m, tổng chiều dài 38m (tổng diện tích 257,6m²), có 08 anh chị em ký tên đồng ý và có chứng thực của chính quyền địa phương.

Khi bà Á tiến hành thủ tục hợp thức hóa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông M có khiếu nại, ông M không thống nhất để bà Á đứng tên quyền sử dụng đất vì ông đã được mẹ (bà K) di chúc giao lại cho ông phần đất nêu trên.

Hiện trạng căn nhà khung gỗ, mái ngói, vách ván đã trên 60 năm, hiện nay không còn tồn tại, bà Á muốn hợp thức hóa diện tích đất để cất mới lại làm phủ thờ nên khởi kiện yêu cầu các nội dung như sau:

+ Tuyên bố di chúc xác lập ngày 23/6/2000 của bà Nguyễn Thị K là vô hiệu và hủy bỏ tờ di chúc do mẹ bà để lại.

+ Yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cha mẹ bà theo quy định pháp luật đối với diện tích 332,9m², trong đó bà xin được nhận toàn bộ di sản thừa kế bằng hiện vật và đồng ý hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu chia diện tích 241,8m².

Bị đơn ông Phan Trung M *trình bày:*

Ông sống chung cha mẹ từ nhỏ đến nay, khi cha mẹ mất thì có làm tờ chúc ngôn để lại cho ông tài sản là căn nhà và đất và giữ gìn làm nơi thờ cúng. Khi mẹ ông bệnh, không ai tiếp ông lo chi phí điều trị hay chăm sóc mẹ, ông

phải bán nhà cho người chị Phan Thị T1, sau nhiều lần trả giá thì ông thống nhất bán giá 10.000.000 đồng, nhưng cuối cùng bà T1 cũng không mua. Cho đến khi mẹ chết, việc làm tang lễ cho đến mồ mả thì chỉ có ông lo, không ai tiếp giúp. Hiện tại con ông là Phan Thị Trúc M2 đang ở trong căn nhà do M2 cất trên đất đang tranh chấp, nếu nguyên đơn bà Á yêu cầu ông trả đất chia theo thừa kế ông không đồng ý chia hiện vật mà chia trả bằng giá trị vì ông không nơi nào để ở.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Trúc M2, *trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của ông M là cha của bà, không có ý kiến gì thêm.

Bà Phan Thị N2, Phan Kim L, Phan Thị Thu H1, Phan Kim C*:* Có ý kiến là ủy quyền và nhượng quyền thừa kế cho bà Á để cho bà Á xây cất phủ thờ.

Bà Nguyễn Mỹ L2, Nguyễn Thị Cẩm V, Trần Kim T5, *ông* Trần Vĩnh H2*:* Có ý kiến là thống nhất theo bản vẽ hiện trạng khu đất, không tranh chấp, cũng không có ý kiến và xin được vắng mặt không tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-PT ngày 28/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

Căn cứ Điều 35, Điều 37, Điều 74, Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 160, 165, 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609, 612, 613, 643, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố tờ di chúc ngày 23/6/2000 của bà Nguyễn Thị K vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của nguyên đơn bà Phan Kim Á.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan Văn C1, cụ Nguyễn Thị K gồm: Phan Kim C, Phan Tấn P1 (chết năm 1976), Phan Ngọc T2 (chết), Phan Trung P, bà Phan Thị N2, bà Phan Thị Thu H1, bà Phan Kim Á, bà Phan Kim L, bà Phan Thị T1, ông Phan Trung M.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ C1, cụ K để lại bao gồm: Diện tích đất 241,8m² thuộc thửa 83, tờ 22, tọa lạc tại Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Trị giá 252.922.800 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu chín trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng), được chia làm 10 kỷ phần. Ông Phan Trung M được nhận 01 kỷ phần bằng 25.292.280 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Bà Phan Kim Á được nhận phần đất có diện tích 241,8m² thuộc thửa 83, tờ 22, tại các điểm 1,2,3,22,21,20,7,18,17,16,32,14 theo bản vẽ đo đạc hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C3 lập ngày 18/11/2019. Bà Phan Kim Á có nghĩa vụ đến cơ quan chuyên môn làm thủ tục cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai (kèm theo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 18/11/2019 của Văn phòng Đ chi nhánh C3).

Buộc bà Phan Kim Á hoàn giá trị cho ông Phan Trung M số tiền là 25.292.280 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm tám mươi đồng).

5. Buộc ông Phan Trung M, bà Ngô Thị N5, Quách Văn T, bà Phan Thị Trúc M2, các con bà M2, ông T gồm Phan Ngô Thiện T6, Phan Ngô Vạn T7, Phan Ngô Cát T8, có nghĩa vụ tháo dỡ di nhà căn nhà kết cấu khung cột gỗ tạp, vách tole, mái tole, nền gạch men, nhà vệ sinh, vật kiến trúc, cây trồng trên diện tích đất 241,8m² thuộc thửa 83, tờ 22, theo bản đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C3 lập ngày 18/11/2019.

Công nhận sự tự nguyện của bà Phan Kim Á tự nguyện hỗ trợ cho ông Quách Văn T, bà Phan Thị Trúc M2, các con bà M2, ông T gồm Phan Ngô Thiện T6, Phan Ngô Vạn T7, Phan Ngô Cát T8 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) để di dời nhà và các vật kiến trúc trên đất.

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Á về việc xác lập quyền sở hữu tài sản là phần đất thừa kế do cha mẹ để lại và về việc chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 91,1m².

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, ủy thác và án phí dân sự sơ thẩm, thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự có kháng cáo cụ thể như sau: ngày 07/9/2020 bị đơn ông Phan Trung M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và sẽ hoàn lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác; ngày 03/9/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N5 và ngày 08/9/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Trúc M2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị tiếp tục được sinh sống trên phần đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Phan Thị Bạch M1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Trung M, bà Phan Thị Trúc M2 cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N5 cùng trình bày yêu cầu kháng cáo với nội dung: đề nghị sửa bản án sơ thẩm, giao di sản thừa kế cho gia đình ông Phan Trung M trực tiếp quản lý sử dụng, ông M sẽ hoàn trả giá trị thừa kế theo kết quả định giá cho các ông bà là người thừa kế của cụ C1 và cụ K.

Bà Lê Hoàng Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn trình bày: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Y cho rằng việc giao di sản thừa kế cho bà Phan Kim Á trực tiếp quản lý, sử dụng để dùng vào việc thờ cúng là đúng theo nguyện vọng chung của các đồng thừa kế còn lại nên đề nghị cho bà Á được đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất này.

Các đương sự đều trình bày thống nhất về việc cụ Phan Văn C1 có 02 người vợ là cụ Lê Thị L3 và cụ Nguyễn Thị C2; cụ Lê Thị L3 đã mất trước cụ

C2 nhưng không rõ thời gian cụ thể và tài sản tranh chấp trong vụ kiện là do cụ C2 và cụ K tạo lập, không liên quan đến cụ L3. Đến thời điểm ông M, bà M2 vào ở trên đất thì ngôi nhà dùng vào việc thờ phụng đã cũ nên phải tháo dỡ. Vào thời điểm khởi kiện và tính đến nay trên đất chỉ có căn nhà tạm của gia đình bà Phan Thị Trúc M2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: yêu cầu xem xét tính pháp lý của Bản Chúc thư ngày 23/6/2000 vì trong nội dung chúc thư thì cụ K đã đồng ý để lại toàn bộ di sản thừa kế cho ông M, như vậy ông M được quyền thừa kế một nửa tài sản và yêu cầu được trực tiếp quản lý, sử dụng di sản thừa kế, đồng thời sẽ hoàn lại giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế còn lại do ông M không có chỗ ở khác. Do vậy đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Trung M, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N5 và bà Phan Thị Trúc M2 để sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế của bà Á nhưng giao di sản thừa kế cho ông M quản lý sử dụng, ông M sẽ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: mấu chốt của việc xem xét yêu cầu kháng cáo là nội dung chúc ngôn ngày 23/6/2000. Tuy nhiên chúc ngôn này là giả tạo vì không đáp ứng đúng quy định của pháp luật về di chúc miệng do thời điểm ghi trong văn bản này là năm 1999, khi đó cụ K không trong tình trạng bị cái chết đe doạ do bệnh tật hoặc các nguyên nhân khác, 02 người làm chứng ký tên trong chúc thư đều không xác định được nhân thân, đến thời điểm ông M đưa chúc ngôn này đến cho đại diện xã ký xác nhận thì cụ K vẫn còn khỏe mạnh bình thường. Do đó không thể căn cứ vào chúc ngôn để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M và bà N5, bà Trúc M2.

Trước đó, cụ C2 và cụ K đã đồng ý để cho bà Phan Kim Á được quản lý, sử dụng nhà, đất để dùng vào việc thờ cúng. Do quá thời hạn quy định nên bà Á không đăng ký sang tên được dẫn đến di sản thừa kế phải được chia theo pháp luật. Ý chí của các đồng thừa kế còn lại đều thống nhất chia thừa kế và giao di sản thừa kế cho bà Phan Kim Á quản lý, sử dụng để xây nhà từ đường dùng vào việc thờ cúng, bà Á sẽ hoàn lại giá trị phần thừa kế cho ông M và gia đình ông M, đồng thời gia đình bà Phan Thị Trúc M2 phải tháo dỡ nhà và giao lại đất cho bà Á. Điều này cũng phù hợp với ý chí của cụ C2, cụ K khi còn sống. Ông M cũng có chỗ ở khác chứ không trực tiếp ở trên đất. Việc gia đình bà Phan Thị Trúc M2 vào ở trên đất không được sự đồng ý từ các đồng thừa kế của cụ C2 và cụ K. Án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự có mặt đã tuân thủ quy định về tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

- Về nội dung: Án sơ thẩm đã xác định diện và hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ C2 và cụ K đúng theo quy định. Đối với chúc ngôn ngày 23/6/2000,

văn bản này không đúng quy định của pháp luật nên vô hiệu. Xét tờ nhượng quyền năm 1985 có tất cả các thành viên ký vào và có xác nhận của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã. Ông M cho rằng không ký vào văn bản này nhưng không yêu cầu giám định chữ ký. Ngoài ra việc các đồng thừa kế đồng ý giao di sản thừa kế cho bà Á để xây nhà phủ thờ cũng đúng theo ý chí của cụ C2, cụ K trong tờ nhượng quyền.

Ông M kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chia thừa kế và giao di sản thừa kế cho ông quản lý và ông sẽ hoàn lại giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế còn lại. Tuy nhiên, ông M đã có nơi cư trú tại số G đường H, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, chứ không thực tế ở trên đất nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

Đối với kháng cáo của bà Ngô Thị N5, bà Phan Thị Trúc M2 yêu cầu giao di sản thừa kế cho ông M và để cho các bà tiếp tục ở trên đất: thấy rằng bà N5, bà M2 không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C2 và cụ K, việc vào ở trên đất tranh chấp không có sự đồng ý của các đồng thừa kế khác nên kháng cáo của các đương sự này cũng không có cơ sở để chấp nhận.

Do án sơ thẩm đã tuyên xử đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã được thực hiện đúng quy định đối với việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng, việc công khai chứng cứ, thủ tục hòa giải và thẩm định tài sản tranh chấp.

Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp thừa kế*" và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang là đúng quy định do có yếu tố nước ngoài.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc xác lập ngày 23/6/2000 của bà Nguyễn Thị K là vô hiệu và hủy di chúc do mẹ của bà để lại; Yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cha mẹ bà theo quy định của pháp luật đối với diện tích 332,9m², trong đó xin được nhận toàn bộ di sản thừa kế bằng hiện vật và đồng ý hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định yêu cầu chia diện tích 241,8m² và hoàn giá trị kỷ phần lại cho ông M, hỗ trợ vợ chồng và các con của bà Trúc M2 số tiền 25.000.000 đồng để di dời.

Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập về quá trình sử dụng có cơ sở xác định: Cụ Phan Văn C1 có 02 người vợ là cụ Lê Thị L3 và cụ Nguyễn Thị K. Tuy

nhiên tài sản các bên tranh chấp có nguồn gốc là do vợ chồng cụ Phan Văn C1 và cụ Nguyễn Thị K tạo lập, không liên quan đến cụ Lê Thị L3.

Cụ C1 mất năm 1986; cụ L3 mất không rõ thời gian; cụ K mất năm 2010. Cụ C1 có 10 người con gồm:

- Phan Kim C;
- Phan Tấn P1 (mất năm 1977);
- Phan Ngọc T2 (mất năm 1967);
- Phan Trung P (đang định cư tại thành phố S, quận J, bang K, United States of A);
- Phan Kim L;
- Phan Thị T1;
- Phan Trung M;
- Phan Thị N2;
- Phan Kim Á;
- Phan Thị Thu H1.

Ngày 03/8/1985, cụ C1 và cụ K lập tờ nhượng quyền sở hữu về nhà, đất cho bà Phan Kim Á căn nhà diện tích 3,65m x 15m và một sân giáp phía sau nhà bếp, nhà tắm diện tích 9m x 23m. Tờ nhượng quyền có chữ ký của 08 người con (còn sống), được UBND huyện C xác nhận ngày 13/8/1985.

Căn cứ bản án Dân sự sơ thẩm số 30/DSST ngày 14/6/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và Bản án Dân sự phúc thẩm số 353/DSPT ngày 27/11/2000 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử về tranh chấp quyền sở hữu nhà ở giữa bà Phan Kim Á và ông Phan Trung M trong đó xác định cụ Nguyễn Thị K còn sống và cụ K có lời khai thay đổi không đồng ý để tài sản trên cho bà Á đứng tên sở hữu và sử dụng. Do ý chí của cụ C1 và cụ K trong tờ nhượng quyền chưa thực hiện chuyển giao nhà trong thực tế nên Hội đồng xét xử sơ thẩm trong vụ án này xác định tờ nhượng quyền sở hữu nhà, đất lập ngày 03/8/1985 không còn giá trị. Vào thời điểm xảy ra vụ kiện cụ C1 đã mất nên phát sinh quan hệ thừa kế, do bà Á không có yêu cầu chia thừa kế nên yêu cầu khởi kiện trong vụ án này không được chấp nhận mà có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác để yêu cầu chia thừa kế.

Ông M xuất trình Giấy chúc ngôn của cụ Nguyễn Thị K lập ngày 14/10/1999 và được Ban Ấ xác nhận ngày 04/01/2000, Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 23/6/2000 với nội dung cụ K giao toàn bộ tài sản cho ông M. Đối chiếu với bản án Dân sự sơ thẩm số 30/DSST ngày 14/6/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thì vào thời điểm phía bị đơn cho rằng cụ K lập Giấy chúc ngôn, Tòa án đang thụ lý giải quyết tranh chấp nên việc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L là không có giá trị để công nhận. Ngoài những phân tích của bản án sơ thẩm về tính trái pháp luật của Giấy chúc ngôn thì việc cụ K ấn định giao toàn bộ tài sản có liên quan đến di sản của cụ C1 là không đúng ý chí của cụ C1 khi còn sống và không đúng quy định pháp luật về thừa kế.

Do vậy, án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á, tuyên bố Giấy chúc ngôn lập ngày 14/10/1999, được xác nhận ngày 23/6/2000 vô hiệu là có cơ sở.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Á thấy rằng:

Các đương sự xác định đến thời điểm khởi kiện căn nhà do cụ C1 và cụ K tạo lập đã mục nát không còn tồn tại, đất thuộc quyền sử dụng của hai cụ vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Di sản thừa kế được xác định là diện tích đất qua đo vẽ thực tế là 241,8m², thuộc thửa 83, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, trên đất có các căn nhà tạm do ông M dựng để cho con gái là Phan Thị Trúc M2 sử dụng cùng chồng và các con của bà M2.

Những người thừa kế của cụ C1 và cụ K gồm 10 người con là các ông bà có tên nêu trên.

Bà Á có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Và di sản sẽ được chia đều cho tất cả những người thuộc diện và hàng thừa kế thứ nhất nêu trên. Ông P1 và ông T2 đã mất thì vợ được hưởng thừa kế thế vị.

Các tài liệu thu thập thể hiện tài sản tranh chấp trước đây bà Á đã giao cho bà Phan Thị T1 quản lý, sử dụng để trông coi phần mộ của cụ C1. Bà T1 đã quản lý và sử dụng để buôn bán nhỏ và giữ xe, có biên lai đóng thuế các năm 1996, 1997, 2013, 2014, 2015. Năm 2014, bà Á sửa sang lại nhà phủ thờ thì bị ông M tranh cản. Năm 2016, ông M chiếm giữ và cất nhà tạm để con gái là bà Phan Thị Trúc M2 quản lý, buôn bán. Như vậy, các ông bà đều không quản lý, sử dụng lâu dài đối với di sản thừa kế. Ông M có địa chỉ đăng ký thường trú và có nơi ở khác, không trực tiếp ở trên đất.

Bà Á có yêu cầu nhận đất và hoàn giá trị kỷ phần cho ông M, các đồng thừa kế có ý kiến nhận kỷ phần và giao cho bà Á quản lý, sử dụng với mục đích xây phủ thờ và chăm sóc mộ phần cho cụ C1: xét thấy do diện tích đất được xác định là di sản chỉ có 241,8m² nếu chia thực tế theo kỷ phần sẽ không đảm bảo quy định về hạn mức tách thửa nên án sơ thẩm đã quyết định giao diện tích đất này cho bà Á quản lý sử dụng và thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, hoàn trả cho ông M giá trị kỷ phần theo kết quả định giá và ghi nhận việc bà Á hỗ trợ tiền di dời cho bà M2, ông T cùng các con của ông bà là đúng quy định.

Quan điểm cho rằng bà Á được xem xét theo tờ nhượng quyền sở hữu nhà, đất lập ngày 03/8/1985 là không có cơ sở do tài liệu này đã bị bản án Dân sự sơ thẩm số 30/DSST ngày 14/6/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xác định là không còn giá trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự xác định không yêu cầu xem xét công sức đóng góp, tôn tạo và quản lý di sản thừa kế và di sản được giao cho bà Á quản lý, sử dụng để dùng vào việc thờ cúng. Ông Phan Trung P đang định cư ở nước ngoài chưa rõ ý kiến chính thức nên có thể tạm giao kỷ phần của ông cho bà Á quản lý thay.

Do vậy, án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn cùng bà M2, ông T tháo dỡ công trình xây dựng để trả đất theo yêu cầu

của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập cũng như quá trình sử dụng thực tế di sản thừa kế.

Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay, các bên dù có yêu cầu khác nhau nhưng đều xác định nếu được nhận di sản sẽ sử dụng để xây phủ thờ, tức là các bên đồng ý tài sản tranh chấp trong vụ án là di sản dùng vào việc thờ cúng. Vấn đề này đã được các đương sự trình bày ở giai đoạn sơ thẩm và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến phản đối nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nội dung này là có thiếu sót. Hội đồng xét xử phúc thẩm có bổ sung cho đầy đủ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim Á, chia cho ông M một nửa di sản thừa kế theo chúc ngôn ngày 23/6/2023, một nửa còn lại chia đều cho các đồng thừa kế và giao cho ông M quản lý toàn bộ di sản thừa kế, ông hoàn giá trị kỷ phần được hưởng cho các đồng thừa kế khác. Bà Ngô Thị N5 và Phan Thị Trúc M2 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm và yêu cầu cho các bà được tiếp tục ở trên đất. Như phân tích trên, án sơ thẩm đã tuyên xử có căn cứ, đúng pháp luật, các đương sự có kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ. Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên do ông Phan Trung M và bà Ngô Thị N5 là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 35, Điều 37, Điều 74, Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 160, 165, 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609, 612, 613, 643, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố tờ di chúc ngày 23/6/2000 của bà Nguyễn Thị K vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của nguyên đơn bà Phan Kim Á.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan Văn C1, cụ Nguyễn Thị K gồm: Phan Kim C, Phan Tấn P1 (chết năm 1976), Phan Ngọc T2 (chết), Phan Trung P, bà Phan Thị N2, bà Phan Thị Thu H1, bà Phan Kim Á, bà Phan Kim L, bà Phan Thị T1, ông Phan Trung M.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ C1, cụ K để lại là di sản dùng vào việc thờ cúng bao gồm: Diện tích đất 241,8m² thuộc thửa 83, tờ 22, tọa lạc tại Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Trị giá 252.922.800 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu chín trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng), được chia làm 10 kỷ phần. Ông Phan Trung M được nhận 01 kỷ phần bằng 25.292.280 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Bà Phan Kim Á được nhận phần đất có diện tích 241,8m² thuộc thửa 83, tờ 22, tại các điểm 1,2,3,22,21,20,7,18,17,16,32,14 theo bản vẽ đo đạc hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C3 lập ngày 18/11/2019. Bà Phan Kim Á được quyền đến cơ quan chuyên môn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai (kèm theo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 18/11/2019 của Văn phòng Đ chi nhánh C3).

Buộc bà Phan Kim Á hoàn giá trị cho ông Phan Trung M số tiền là 25.292.280 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm tám mươi đồng).

5. Buộc ông Phan Trung M, bà Ngô Thị N5, Quách Văn T, bà Phan Thị Trúc M2, các con bà M2, ông T gồm Phan Ngô Thiện T6, Phan Ngô Vạn T7, Phan Ngô Cát T8, có nghĩa vụ tháo dỡ di dời căn nhà kết cấu khung cột gỗ tạp, vách tole, mái tole, nền gạch men, nhà vệ sinh, vật kiến trúc, cây trồng trên diện tích đất 241,8m² thuộc thửa 83, tờ 22, theo bản đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C3 lập ngày 18/11/2019.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Kim Á tự nguyện hỗ trợ cho ông Quách Văn T, bà Phan Thị Trúc M2, các con bà M2, ông T gồm Phan Ngô Thiện T6, Phan Ngô Vạn T7, Phan Ngô Cát T8 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) để di dời nhà và các vật kiến trúc trên đất.

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Á về việc xác lập quyền sở hữu tài sản là phần đất thừa kế do cha mẹ để lại và về việc chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 91,1m².

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Trung M, bà Ngô Thị N5 được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà Phan Thị Trúc M2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà M2 đã nộp theo biên lai thu số 0005323 ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà M2 đã nộp đủ.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang(1);
- ĐS (27);
- Lưu VP(3), HS(2).18b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ